Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 21.08.2019 08:45:29 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1997/UBND-NCPC V/v thực hiện Bộ chỉ số đánh giá PCTN, phối hợp cung cấp hồ sơ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh.	*Tây Ninh, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

Kính gửi:
- Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam tỉnh Tây Ninh;
- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố;

Sau 03 năm thực hiện Bộ chỉ số PCTN và đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh theo Bộ chỉ số của Thanh tra Chính phủ, về cơ bản Thủ trưởng các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố đã kịp thời chỉ đạo, cung cấp hồ sơ về Thanh tra tỉnh đúng tiến độ.

Tuy nhiên, qua kết quả thực hiện Bộ chỉ số PCTN và đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2018 vừa qua, bên cạnh những mặt đạt được thì vẫn còn một số hạn chế. Kết quả PCTN theo Bộ chỉ số đạt thấp; công tác phối hợp cung cấp hồ sơ phục vụ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh còn nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị chưa chủ động, chưa đạt yêu cầu; Tổ công tác phải liên hệ yêu cầu bổ sung rất nhiều lần, từ đó ảnh hưởng đến thời gian và chất lượng việc đánh giá của UBND tỉnh.

Nguyên nhân của thực trạng này chủ yếu từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Bộ chỉ số PCTN chưa được chặt chẽ, việc cung cấp hồ sơ của một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa sâu sát, chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc đánh giá công tác PCTN; hầu hết các nơi đều giao khoán trách nhiệm cung cấp cho cơ quan Thanh tra, trong khi hồ sơ cần cung cấp bao hàm rất nhiều lĩnh vực chuyên ngành từ tài chính, mua sắm tài sản công, v.v… không thuộc phạm vi quản lý của ngành Thanh tra. Bên cạnh đó, Bộ chỉ số của Thanh tra Chính phủ còn khá phức tạp, chưa chi tiết đầy đủ các tài liệu cần cung cấp chứng minh.

Từ thực tiễn yêu cầu đặt ra, nhằm nâng cao chất lượng việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh theo Bộ chỉ số của TTCP trong những năm tiếp theo, lãnh đạo UBND tỉnh đề nghị thực hiện một số nội dung như sau:

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc chủ động thu thập toàn bộ hồ sơ, tài liệu phục vụ đánh giá công tác PCTN *(Bảng hướng dẫn kèm theo)* ngay trong năm. Sau khi kết thúc năm, các cơ quan, đơn vị tổng hợp kiểm tra toàn bộ hồ sơ, tài liệu đã thu thập,

đảm bảo đầy đủ, đúng yêu cầu, gửi về Thanh tra tỉnh **trước ngày 01/02 hàng năm** *(trừ báo cáo minh bạch tài sản, thu nhập thực hiện theo chế độ định kỳ theo quy định)*. Trong trường hợp Bộ chỉ số của Thanh tra Chính phủ nếu có sự thay đổi sẽ có thông báo và hướng dẫn lại.

- Giao Thanh tra tỉnh tổng hợp hồ sơ của các địa phương, cơ quan, đơn vị gửi về; chủ động tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thành lập Tổ công tác, thực hiện việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh khi có chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ; theo dõi, đánh giá tình hình chấp hành của các địa phương, cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh.

- Đề nghị Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với Thanh tra tỉnh cung cấp các hồ sơ phục vụ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh *(Bảng hướng dẫn kèm theo)*; gửi về Thanh tra tỉnh tổng hợp **trước ngày 01/02 hàng năm**.

Lãnh đạo UBND tỉnh đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện đúng nội dung công văn này. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc về bảng hướng dẫn phản ánh về Thanh tra tỉnh để trao đổi và hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT.TU;
- CT, các PCT tỉnh;
- CVP, các PCV Long, Nhung;
- Thanh tra tỉnh;
- Phòng NCPC;
- Lưu: VT. Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;

20

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến



BẢNG HƯỚNG DẪN CUNG CẤP PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ PCTN CẤP TỈNH
(Hồ sơ của Công an, VKSND, TAND, Cục THADS)

(ban hành kèm theo Công văn số 1187 /UBND-NCPC ngày 20/ 8 /2019)

Trách nhiệm cung cấp: Công an tỉnh, VKSND tỉnh, TAND tỉnh, Cục THADS tỉnh.
Thời kỳ cung cấp: Từ ngày 15/11/2018 đến 15/11/2019 (các năm sau tương tự).

STT	Văn bản cung cấp	Tiêu chí bộ chỉ số
1	- Đối với Công an tỉnh: + Kết luận điều tra. - Đối với VKSND tỉnh: + Cáo trạng. - Đối với TAND tỉnh: + Bản án. **<u>Yêu cầu:</u>** Đảm bảo cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh số người tham nhũng bị đề nghị truy tố, bị truy tố, bị xét xử phát sinh trong năm trên phạm vi toàn tỉnh.	Mục 2 Phần D
2	- Trường hợp thu hồi trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Văn bản chứng minh việc nộp tiền, tài sản sai phạm của người vi phạm (Công an tỉnh, VKSND tỉnh, TAND tỉnh). - Trường hợp thu hồi sau khi có Bản án: + Báo cáo thu hồi tài sản tham nhũng (Cục THADS tỉnh); + Văn bản chứng minh việc thu hồi.	Mục 3 Phần D

BẢNG HƯỚNG DẪN CUNG CẤP PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ PCTN CẤP TỈNH
(Hồ sơ của UBND tỉnh)

(ban hành kèm theo Công văn số 1797/UBND-NCPC ngày 20/ 8 /2019)

Trách nhiệm cung cấp: Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND tỉnh (sau gọi tắt là Văn phòng).

Thời kỳ cung cấp: Từ ngày 15/11/2018 đến 15/11/2019 (các năm sau tương tự).

STT	Văn bản cung cấp	Tiêu chí bộ chỉ số
1	Văn bản triển khai các chỉ đạo của Trung ương về công tác phòng chống tham nhũng (danh sách các văn bản Trung ương sẽ được Thanh tra Chính phủ quy định cụ thể theo từng năm) **<u>Yêu cầu:</u>** - Trường hợp Văn phòng tự tham mưu triển khai: Công văn triển khai thực hiện văn bản của Trung ương. - Trường hợp giao cơ quan chuyên môn tham mưu văn bản triển khai: (1) Công văn giao nhiệm vụ tham mưu; (2) Công văn triển khai thực hiện văn bản của Trung ương.	Tiểu mục 1.1, mục 1, phần A
2	Kế hoạch Phòng chống tham nhũng của UBND tỉnh áp dụng phạm vi toàn tỉnh hằng năm	Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần A
3	Chương trình công tác năm của UBND tỉnh	Mục 2, Phần A
4	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN của UBND tỉnh áp dụng phạm vi toàn tỉnh	Tiểu mục 3.1, mục 3, Phần A
5	- Chỉ thị 10/CT-TTg năm 2013 về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy: + Công văn tiếp tục triển khai của UBND tỉnh; + Công văn yêu cầu Sở GDĐT và các Sở có đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị. - Chỉ thị 05-CT/TW năm 2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị.	Tiểu mục 3.2, mục 3, Phần A

	- Quyết định số 705/QĐ-TTg năm 2017 về chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2017 – 2021: Báo cáo công tác PBGDPL của UBND tỉnh hằng năm.	
6	Sáng tạo trong tuyên truyền, có thể bao gồm các nội dung như tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, quy chế phối hợp trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật giữa UBND tỉnh với các cơ quan, v.v.	Tiểu mục 3.3, mục 3, Phần A
7	- Quy chế phối hợp giữa UBND tỉnh với UBMTTQ tỉnh, các tổ chức thành viên về phòng, chống tham nhũng - Công văn chỉ đạo các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố trong việc phối hợp với UBMTTQ tỉnh trong công tác phòng, chống tham nhũng (nếu trong Quy chế đã có thể hiện nội dung này thì không cần ban hành văn bản này)	Tiểu mục 5.1, mục 5, Phần A
8	- Kế hoạch giám sát, Quyết định giám sát của HĐND tỉnh đối với UBND tỉnh. - Kết luận/Thông báo kết quả giám sát của HĐND tỉnh đối với UBND tỉnh. - Văn bản tiếp thu của UBND tỉnh đối với các kiến nghị sau giám sát của UBMTTQ tỉnh, HĐND tỉnh.	Tiểu mục 5.2, mục 5, Phần A
9	- Kế hoạch tiếp công dân trong năm của Chủ tịch UBND tỉnh/Lịch tiếp công dân năm của Chủ tịch UBND tỉnh - Thông báo lịch tiếp công dân (nếu có) - Biên bản tiếp công dân định kỳ hằng tháng/Báo cáo kết quả tiếp công dân định kỳ hằng tháng.	Tiểu mục 5.3, mục 5, Phần A
10	- Văn bản thông báo việc tiếp nhận kiến nghị phản ánh của công dân qua 03 hình thức: Đường dây nóng; Hộp thư điện tử; Cổng thông tin điện tử hỏi đáp trực tuyến.	Tiểu mục 5.3, mục 5, Phần A
11	- Báo cáo công tác PCTN của UBND tỉnh theo TT03 của TTCP, bao gồm: Quý I, II, III, IV, 06 tháng, 09 tháng, năm.	Tiểu mục 6.1, mục 6, Phần A
12	Đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh những văn bản sau đây, cung cấp đường dẫn (link) có thể truy cập trực tiếp để xem các văn bản này, tổng hợp gửi về Thanh tra tỉnh: - Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh; - Kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất (nếu có); - Kế hoạch, kết quả thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); - Kế hoạch, kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên khoáng sản. - Văn bản thể hiện chi tiết các khoản thu ngân sách từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.	Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B

13	- Công văn/Kế hoạch của UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố triển khai công tác kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập. - Công văn giao nhiệm vụ tổng hợp, cung cấp thông tin kê khai tài sản, thu nhập theo chỉ đạo của TTCP.	Mục 4, Phần B
14	- Các văn bản điều chỉnh, ban hành chế độ, định mức, tiêu chuẩn của UBND tỉnh	Mục 5, Phần B
15	- Công văn của UBND tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra tham nhũng trong đơn vị (nếu có) - Quyết định xử lý kỷ luật đối với thủ trưởng để xảy ra tham nhũng trong đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (nếu có)	Mục 6, Phần B
16	- Quyết định xử lý kỷ luật đối với cá nhân có hành vi tham nhũng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (nếu có)	Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần D

BẢNG HƯỚNG DẪN CUNG CẤP PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ PCTN CẤP TỈNH
(Hồ sơ của Sở, ban, ngành tỉnh)

(ban hành kèm theo Công văn số 1787/UBND-NCPC ngày 20/ 8 /2019)

Trách nhiệm cung cấp: Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh.
Thời kỳ cung cấp: Từ ngày 15/11/2018 đến 15/11/2019 (các năm sau tương tự).

STT	Văn bản cung cấp	Tiêu chí bộ chỉ số
1	- Chỉ thị 10/CT-TTg năm 2013 về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy ***(Sở GDĐT và các Sở có đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc cung cấp nội dung này)*** + Công văn đề nghị các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc tiếp tục tăng cường thực hiện nội dung Chỉ thị (nếu có); + Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị trong năm (đây là văn bản thể hiện kết quả thực hiện, phục vụ cho công tác đánh giá PCTN cấp tỉnh). - Chỉ thị 05-CT/TW năm 2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ***(Các Sở, ban, ngành cung cấp nội dung này)*** + Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị trong cơ quan; + Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị.	Tiểu mục 3.2, mục 3, Phần A
2	Sáng tạo trong tuyên truyền, có thể bao gồm các nội dung như: Chủ trì tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, quy chế phối hợp trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật giữa đơn vị mình với các đơn vị khác, v.v. ***(Đơn vị nào có sáng kiến thì cung cấp văn bản chứng minh về triển khai sáng kiến đó)***	Tiểu mục 3.3, mục 3, Phần A
3	***(Các Sở, ngành có chức năng thanh tra cung cấp)*** - Kế hoạch thanh tra năm; - Kế hoạch kiểm tra năm (có thể lồng ghép trong Kế hoạch thanh tra); - Quyết định phê duyệt kế hoạch thanh tra, kế hoạch kiểm tra của Thủ trưởng cơ quan. **<u>Yêu cầu:</u>** - Kế hoạch phải thể hiện rõ các mục tiêu cần đạt được và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong quá trình thanh tra, kiểm tra; - Thể hiện rõ ràng số cuộc thanh tra, số cuộc kiểm tra sẽ thực hiện trong năm; - Phụ lục kèm theo dạng bảng kê chi tiết thể hiện rõ các nội dung: *** Đối với thanh tra**	Tiểu mục 4.1, mục 4, Phần A

+ Số thứ tự;
+ Tên cuộc thanh tra;
+ Hình thức: Thanh tra KTXH hay Thanh tra trách nhiệm;
+ Đơn vị được giao thực hiện;
+ Thời gian dự kiến thực hiện.

*** Đối với kiểm tra**

+ Số thứ tự;
+ Tên cuộc kiểm tra;
+ Đơn vị được giao thực hiện;
+ Thời gian dự kiến thực hiện.

Ví dụ:

STT	Tên cuộc thanh tra	Hình thức	Đơn vị thực hiện	Thời gian dự kiến
1	Thanh tra đối với đơn vị A về công tác …	Thanh tra KTX	Thanh tra Sở	Quý II/2019
2	Thanh tra đối với đơn vị B về công tá …	Thanh tra trách nhiệm	Thanh tra Sở	Quý III/2019

STT	Tên cuộc kiểm tra	Đơn vị thực hiện	Thời gian dự kiến
1	Kiểm tra đối với đơn vị A về công tác …	Thanh tra Sở	Quý II/2019
2	Kiểm tra đối vớ đơn vị B về công tác …	Chi cục … thuộc Sở	Quý III/2019

4

(Các Sở, ngành có chức năng thanh tra cung cấp)

Hồ sơ tất cả các cuộc thanh tra trách nhiệm, mỗi cuộc bao gồm các văn bản:

- Quyết định thanh tra;
- Báo cáo kết quả thanh tra;
- Kết luận thanh tra;
- Công văn chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra (nếu có).
- Quyết định thu hồi tiền, tài sản (nếu có)
- Biên bản/Biên lai nộp lại tiền, tài sản của đối tượng tham nhũng (nếu có);

Phụ lục kèm theo dạng bảng kê tổng hợp các cuộc thanh tra trách nhiệm đã thực hiện, thể hiện các nội dung như sau:

+ Số thứ tự;
+ Tên cuộc thanh tra;
+ Quyết định thanh tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);

Tiểu mục 4.2, mục 4, Phần A

+ Báo cáo kết quả thanh tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);

+ Kết luận thanh tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);

+ Vi phạm quy định phòng ngừa tham nhũng (Liệt kê chi tiết, ngắn gọn hành vi sai phạm nào, hình thức xử lý sai phạm đối với thủ trưởng đơn vị và cá nhân sai phạm nếu có)

+ Dấu hiệu tham nhũng: Có phát hiện hoặc Không phát hiện.

STT	Tên cuộc TT	Loại	Quyết định TT	Báo cáo TT	Kết luận TT	Vi phạm về phòng ngừa tham nhũng	Dấu hiệu tham nhũng
1	Thanh tra tại đơn vị A về công tác …	Kế hoạch	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Báo cáo số …/BC-… ngày …/…/2019 của …	Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …	- Không xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí - Không công khai tài chính Xử lý: Đề xuất kiểm điểm Thủ trưởng, công chức, hình thức…	Không
2	Thanh tra tại đơn vị B về công tác …	Đột xuất	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Báo cáo số …/BC-… ngày …/…/2019 của …	Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …	Không phát sinh vi phạm	Phát hiện tham nhũng
3	Thanh tra tại đơn vị C về công tác …	Kế hoạch	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Báo cáo số …/BC-… ngày …/…/2019 của …	Chưa có kết luận	Không phát sinh vi phạm	Không

5	***(Các Sở, ngành có chức năng thanh tra cung cấp)*** **Hồ sơ tất cả các cuộc thanh tra KTXH** (bao gồm thanh tra hành chính và chuyên ngành, kế hoạch và đột xuất), mỗi cuộc bao gồm các văn bản: - Quyết định thanh tra; - Báo cáo kết quả thanh tra;	Tiểu mục 4.2, mục 4, Phần A

- Kết luận thanh tra;
- Công văn chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra (nếu có);
- Quyết định thu hồi tiền, tài sản (nếu có);
- Biên bản/Biên lai nộp lại tiền, tài sản của đối tượng tham nhũng (nếu có).

Phụ lục kèm theo dạng bảng kê tổng hợp các cuộc thanh tra KTXH đã thực hiện, thể hiện các nội dung như sau:

+ Số thứ tự;
+ Tên cuộc thanh tra;
+ Loại: Kế hoạch, đột xuất;
+ Quyết định thanh tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);
+ Báo cáo kết quả thanh tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);
+ Kết luận thanh tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);
+ Vi phạm quy định phòng ngừa tham nhũng (Liệt kê chi tiết, ngắn gọn hành vi sai phạm nào, hình thức xử lý sai phạm đối với thủ trưởng đơn vị và cá nhân sai phạm nếu có);
+ Dấu hiệu tham nhũng: Có phát hiện hoặc Không phát hiện.

STT	Tên cuộc TT	Loại	Quyết định TT	Báo cáo TT	Kết luận TT	Vi phạm về phòng ngừa tham nhũng	Dấu hiệu tham nhũng
1	Thanh tra tại đơn vị A về công tác …	Kế hoạch	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Báo cáo số …/BC-… ngày …/…/2019 c a …	Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …	- Không xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí - Không công khai tài chính Xử lý: Đề xuất kiểm điểm Thủ trưởng, công chức, hình thức…	Không
2	Thanh tra tại đơn vị B về công tác …	Đột xuất	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Báo cáo số …/BC-… ngày …/…/2019 của …	Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …	Không phát sinh vi phạm	Phát hiện tham nhũng

	3	Thanh tra tại đơn vị C về công tác …	Kế hoạch	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Báo cáo số …/BC-… ngày …/…/2019 của …	Chưa có kết luận	Không phát sinh vi phạm	Không	

6	*(Các Sở, ngành có chức năng thanh tra cung cấp)* **Hồ sơ tất cả các cuộc kiểm tra** (bao gồm kế hoạch và đột xuất), mỗi cuộc bao gồm các văn bản: - Quyết định kiểm tra (hoặc văn bản thông báo việc kiểm tra); - Kết luận kiểm tra (hoặc văn bản thông báo kết quả kiểm tra); - Công văn chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra (nếu có); - Quyết định thu hồi tiền, tài sản (nếu có); - Biên bản/Biên lai nộp lại tiền, tài sản của đối tượng tham nhũng (nếu có). **Phụ lục kèm theo dạng bảng kê tổng hợp các cuộc kiểm tra đã thực hiện**, thể hiện các nội dung như sau: + Số thứ tự; + Tên cuộc kiểm tra; + Loại: Kế hoạch, đột xuất; + Quyết định kiểm tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành); + Kết luận kiểm tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành); + Vi phạm quy định phòng ngừa tham nhũng (Liệt kê chi tiết, ngắn gọn hành vi sai phạm nào, hình thức xử lý sai phạm đối với thủ trưởng đơn vị và cá nhân sai phạm nếu có); + Dấu hiệu tham nhũng: Có phát hiện hoặc Không phát hiện.	Tiểu mục 4.2, mục 4, Phần A

STT	Tên cuộc KT	Loại	Quyết định KT	Kết luận KT	Vi phạm về phòng ngừa tham nhũng	Dấu hiệu tham nhũng
1	Kiểm tra tại đơn vị A về công tác …	Kế hoạch	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …	- Không xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí - Không công khai tài chính	Không

							Xử lý: Đề xuất kiểm điểm Thủ trưởng, công chức, hình thức…	
		2	Kiểm tra tại đơn vị B về công tác …	Đột xuất	Thông báo số …/TB-… ngày /…/2019 của … thông báo kiểm tra	Thông báo số …/TB-… ngày …/…/2019 của … thông báo kết quả kiểm tra	Không phát sinh vi phạm	Phát hiện tham nhũng
7		***(Các Sở, ban, ngành cung cấp)*** Báo cáo công tác PCTN theo TT03 của TTCP, bao gồm: Quý I, II, III, IV, 06 tháng, 09 tháng, năm.						Tiểu mục 6.1, mục 6, Phần A
8		***(Các Sở, ban, ngành cung cấp)*** Đăng tải lên trang thông tin điện tử của cơ quan: - Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân; - Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; - Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; - Báo cáo công tác PCTN định kỳ (Quý, 06 tháng, 09 tháng, năm); - Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp trên mà theo quy định pháp luật phải công khai, minh bạch. **<u>Yêu cầu:</u>** Chỉ đạo các bộ phận trong cơ quan tổng hợp tất cả các loại văn bản thuộc phạm vi công khai, chuyển cho bộ phận CNTT đăng tải lên trang thông tin điện tử của cơ quan; tổng hợp đường dẫn có thể truy cập trực tiếp từng văn bản vào mẫu sau:						Tiểu mục 1.1, mục 1, Phần B

		STT	**Trích yếu**	**Số**	**Ngày ban hành**	**Đường dẫn**	
		Chính sách, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động					
		1					
		2					
		Bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, kinh phí huy động					
		1					
		2					
		Công tác tổ chức cán bộ, quy tắc ứng xử					
		1					
		2					
		Báo cáo công tác PCTN					
		2					
		Các lĩnh vực khác					
		1					
		2					
9	Các văn bản về công tác cán bộ, bao gồm: ***(Sở Nội vụ cung cấp các văn bản của UBND tỉnh)*** - Quyết định phê duyệt kế hoạch thi tuyển công chức (nếu có); - Quyết định phê duyệt chỉ tiêu biên chế toàn tỉnh. ***(Các Sở, ban, ngành cung cấp các văn bản sau)*** - Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo; - Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; các QĐ chuyển đổi vị trí công tác CC, VC; - Quyết định bổ nhiệm đối với CC, VC; - Kết luận thanh tra, kiểm tra, rà soát trong năm về bổ nhiệm cán bộ (nếu có). **Sau khi tổng hợp đầy đủ văn bản, điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:**					Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B
		Nội dung công khai	**Tên văn bản**	**Ngày phát hành**	**Ghi chú**		
		Chỉ tiêu biên chế					
		Thông tin tuyển dụng hằng năm					
		Quy hoạch cán bộ					

Luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí				
Kết quả kiểm tra, thanh tra, rà soát việc bổ nhiệm cán bộ				

10	*(Các Sở, ban, ngành cung cấp)* **- Công khai số liệu dự toán, quyết toán ngân sách trong năm** (Ví dụ: Khi đánh giá PCTN năm 2019 thì cung cấp quyết toán năm 2018, dự toán năm 2019; những năm sau tương tự). + Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách của đơn vị - Mẫu số 01/QĐ-CKNS Thông tư số 61/2017/TT-BTC; + Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách của đơn vị - Mẫu số 01/QĐ-CKNS Thông tư số 61/2017/TT-BTC; + Biểu Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách (Quý, 06 tháng, năm) - Biểu mẫu số 03 Thông tư số 90/2018/TT-BTC. ***(Những đơn vị được ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện nội dung này)*** **- Công khai số liệu dự toán, quyết toán kinh phí trong năm** (Ví dụ: Khi đánh giá PCTN năm 2019 thì cung cấp quyết toán năm 2018, dự toán năm 2019). + Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách của đơn vị - Mẫu số 02/QĐ-CKNS Thông tư số 61/2017/TT-BTC; + Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách của đơn vị - Mẫu số 01/QĐ-CKNS Thông tư số 61/2017/TT-BTC; + Biểu Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách (Quý, 06 tháng, năm) - Biểu mẫu số 07 Thông tư số 90/2018/TT-BTC. - Kết luận thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị (nếu có); - Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị thanh tra, kiểm toán của đơn vị (nếu có).	Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B

<table>
<tr>
<td></td>
<td>
Sau khi tổng hợp đầy đủ văn bản, điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:
<table>
<tr><th>Nội dung công khai</th><th>Tên văn bản</th><th>Ngày phát hành</th><th>Ghi chú</th></tr>
<tr><td>Dự toán, quyết toán ngân sách (kể cả ngân sách bổ sung)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Số liệu dự toán, quyết toán kinh phí</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Kết quả thanh tra, kiểm toán và kết quả thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
<u>Yêu cầu:</u> Chỉ đạo Văn phòng/Phòng Tài chính của cơ quan tìm và cung cấp tất cả văn bản trên.
</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>11</td>
<td>
(Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp nội dung này)
- Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;
- Việc giao đất, cho thuê đất phát sinh trong năm thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (nếu có), bao gồm:
+ Quyết định giao đất, cho thuê đất;
+ Hợp đồng thuê đất;
+ Biên bản giao đất trên thực địa.

- Việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (nếu có), bao gồm:
+ Thông báo thu hồi đất (kèm biên bản giao);
+ Quyết định thu hồi đất (kèm biên bản giao);
+ Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (kèm biên bản giao).

- Việc đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản (nếu có), bao gồm:
</td>
<td>Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B</td>
</tr>
</table>

+ Quyết định phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh.

+ Kế hoạch đấu giá;

+ Quyết định đấu giá;

+ Hợp đồng thuê đơn vị thực hiện đấu giá;

+ Biên bản kết quả thực hiện đấu giá;

+ Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá (hoặc hủy kết quả).

- Văn bản tổng hợp thể hiện chi tiết các khoản thu ngân sách từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Sau khi tổng hợp đầy đủ văn bản, điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:

Nội dung công khai	Tên văn bản	Ngày phát hành	Ghi chú
Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn			
Kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất			
Kế hoạch, kết quả thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			
Kế hoạch, kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên, khoáng sản			

<table>
<tr><td></td><td>
<table>
<tr><td>Các khoản thu ngân sách từ tài nguyên, khoáng sản</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td><td></td></tr>
<tr><td>12</td><td>
Các văn bản về lĩnh vực đầu tư công, bao gồm:
(Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các văn bản sau)
- Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn;
- Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư công hằng năm;
- Báo cáo thực hiện kế hoạch đầu tư công (06 tháng, năm).

(Các BQL tỉnh cung cấp hồ sơ theo dự án mình thực hiện theo kế hoạch trong năm)
- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (dưới 15 tỷ)/dự án (trên 15 tỷ);
- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn đơn vị thi công;
- Kế hoạch tổ chức đấu thầu (trường hợp đấu thầu);
- Quyết định công nhận kết quả đấu thầu;
- Báo cáo thông tin công trình (ngày bắt đầu, kết thúc).

(Các Sở, ban, ngành cung cấp)
Các văn bản về lĩnh vực mua sắm công thường xuyên, bao gồm:
- Kế hoạch mua sắm công hằng năm;
- Danh mục mua sắm công kèm theo kế hoạch;
- Báo cáo quyết toán ngân sách.

(Sở Tài chính cung cấp nội dung này)
Các văn bản về lĩnh vực mua sắm công tập trung, bao gồm:
- Quyết định phê duyệt danh mục mua sắm tập trung của UBND tỉnh;
- Kế hoạch mua sắm tập trung hằng năm (nếu có);
- Báo cáo quyết toán mua sắm tập trung hằng năm (nếu có).
Sau khi tổng hợp đầy đủ văn bản, điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:
<table>
<tr><th>Nội dung công khai</th><th>Tên văn bản</th><th>Ngày phát hành</th><th>Ghi chú</th></tr>
</table>
</td><td>Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B</td></tr>
</table>

	Kế hoạch, chương trình đầu tư, mua sắm công				
	Danh mục dự án đầu tư, mua sắm công				
	Việc thực hiện đầu tư, mua sắm công				
	Báo cáo kết quả thực hiện, kết quả đầu tư				
13	***(Sở GDĐT và các Sở có đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc cung cấp nội dung này)*** Đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử các nội dung sau: - Điều kiện tuyển sinh, điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ; - Các khoản thu, mức thu, cơ sở vật chất, tài chính; - Thực hiện cam kết chất lượng đào tạo. **Sau khi tổng hợp đầy đủ đường dẫn công khai từ các cơ sở giáo dục trực thuộc, Sở GDĐT điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:**				Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B
	Nội dung công khai	**Tên văn bản**	**Ngày phát hành**	**Ghi chú**	
	Điều kiện tuyển sinh, điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ				

		Các khoản thu, mức thu, cơ sở vật chất, tài chính			
		Thực hiện cam kết chất lượng đào tạo			
	<u>Yêu cầu:</u> Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc đăng tải tất cả văn bản trên trang điện tử của mình (đối với đơn vị có trang điện tử); tổng hợp đường dẫn trên trang điện tử có thể trực tiếp truy cập để xem những nội dung công khai ở trên, gửi về Sở để tổng hợp.			
14	***(Sở Y tế và các cơ sở y tế thực hiện nội dung này)*** Thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử các nội dung sau: - Trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược; - Danh mục giấy phép hành nghề y, dược trên địa bàn tỉnh; - Các khoản thu, chi khám chữa bệnh, cấp thuốc tại các cơ sở y tế. **Sau khi tổng hợp đầy đủ đường dẫn công khai từ các cơ sở y tế, Sở Y tế điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:**				Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B
		Nội dung công khai	**Tên văn bản**	**Ngày phát hành**	**Ghi chú**
		Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng minh			
		Danh mục hành nghề y dược			
		Công khai tài chính			

	Yêu cầu: Chỉ đạo bộ phận CNTT của Sở và các cơ sở y tế trực thuộc đăng tải tất cả văn bản trên lên trang điện tử của đơn vị (đối với đơn vị có trang điện tử); tổng hợp đường dẫn có thể trực tiếp truy cập để xem những nội dung công khai ở trên, gửi về Sở để tổng hợp.	
15	***(Các Sở, ban, ngành cung cấp)*** - Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm; - Các Quyết định chuyển đổi vị trí công tác; - Báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác. **Yêu cầu:** - Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải thể hiện rõ số lượng đối tượng đủ điều kiện chuyển đổi kèm phụ lục danh sách người dự kiến chuyển đổi; - Báo cáo kết quả chuyển đổi phải thể hiện rõ số lượng đã thực hiện chuyển đổi theo kế hoạch, nguyên nhân chưa thực hiện chuyển đổi kèm phụ lục danh sách các trường hợp đã chuyển đổi theo kế hoạch.	Mục 3, Phần B
16	***(Các Sở, ban, ngành cung cấp)*** - Công văn/Kế hoạch của đơn vị chỉ đạo các phòng và đơn vị trực thuộc triển khai công tác kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập; - Danh sách các đối tượng kê khai tài sản, thu nhập; - Công văn/Kế hoạch của đơn vị chỉ đạo các phòng và đơn vị trực thuộc tiến hành công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập; - Biên bản công khai các bản kê khai tài sản thu nhập: Biên bản họp cơ quan/Biên bản niêm yết (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, trừ trường hợp thực hiện công khai chung với cơ quan chủ quản); - Báo cáo minh bạch tài sản, thu nhập; - Quyết định xác minh tài sản, thu nhập (nếu có); - Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (nếu có).	Mục 4, Phần B
17	***(Các Sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc của Sở, ban, ngành cung cấp)*** - Quy chế chi tiêu nội bộ trong năm; - Quy chế quản lý tài sản công trong năm.	Mục 5, Phần B
18	***(Các Sở, ban, ngành cung cấp)*** - Công văn chỉ đạo xử lý trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra tham nhũng trong đơn vị trực thuộc (nếu có); - Quyết định xử lý kỷ luật đối với thủ trưởng đơn vị trực thuộc để xảy ra tham nhũng trong đơn vị (nếu có).	Mục 6, Phần B
19	***(Các Sở, ban, ngành cung cấp)*** Hồ sơ tất cả các vụ giải quyết tố cáo, mỗi vụ bao gồm các văn bản:	Tiểu mục 3.1, 3.2

<table>
<tr>
<td></td>
<td>- Đơn tố cáo;
- Quyết định thụ lý;
- Kết luận nội dung tố cáo.
- Công văn chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra (nếu có).
- Quyết định xử lý nội dung tố cáo (nếu có);
- Quyết định thu hồi tiền, tài sản (nếu có);
- Biên bản/Biên lai nộp lại tiền, tài sản của đối tượng tham nhũng (nếu có).

Phụ lục kèm theo dạng bảng kê tổng hợp các vụ giải quyết tố cáo đã thực hiện, thể hiện các nội dung như sau:
+ Số thứ tự;
+ Tên vụ tố cáo;
+ Quyết định thụ lý (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);
+ Kết luận nội dung tố cáo (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);
+ Dấu hiệu tham nhũng: Có phát hiện hoặc Không phát hiện.
<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên vụ tố cáo</th><th>Quyết định thụ lý</th><th>Kết luận nội dung TC</th><th>Dấu hiệu tham nhũng</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Tố cáo đối với … về hành vi …</td><td>Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …</td><td>Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …</td><td>Không</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Tố cáo đối với … về hành vi …</td><td>Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …</td><td>Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …</td><td>Phát hiện tham nhũng</td></tr>
</table>
</td>
<td>mục 3, Phần C</td>
</tr>
<tr>
<td>20</td>
<td>(Các Sở, ban, ngành cung cấp)
Quyết định xử lý kỷ luật đối với cá nhân có hành vi tham nhũng thuộc thẩm quyền của cơ quan và các đơn vị trực thuộc (nếu có).</td>
<td>Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần D</td>
</tr>
</table>

BẢNG HƯỚNG DẪN CUNG CẤP PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ PCTN CẤP TỈNH
(Hồ sơ của UBND các huyện, thành phố)

(ban hành kèm theo Công văn số 1787/UBND-NCPC ngày 20/ 8 /2019)

Trách nhiệm cung cấp: UBND các huyện, thành phố.
Thời kỳ cung cấp: Từ ngày 15/11/2018 đến 15/11/2019 (các năm sau tương tự).

STT	Văn bản cung cấp	Tiêu chí bộ chỉ số
1	- Chỉ thị 10/CT-TTg năm 2013 về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy ***(Nội dung này Phòng GDĐT cung cấp nội dung này)*** + Công văn đề nghị các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc tiếp tục tăng cường thực hiện nội dung Chỉ thị (nếu có); + Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị trong năm (đây là văn bản thể hiện kết quả thực hiện, phục vụ cho công tác đánh giá PCTN cấp tỉnh) ***(Các phòng chuyên môn, UBND cấp xã cung cấp nội dung này)*** - Chỉ thị 05-CT/TW năm 2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: + Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị; + Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị.	Tiểu mục 3.2, mục 3, Phần A
2	***(Các phòng chuyên môn, UBND cấp xã cung cấp nội dung này)*** Sáng tạo trong tuyên truyền, có thể bao gồm các nội dung như: chủ trì tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, quy chế phối hợp trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật giữa đơn vị mình với các đơn vị khác, v.v.	Tiểu mục 3.3, mục 3, Phần A
3	***(Thanh tra huyện cung cấp nội dung này)*** - Kế hoạch thanh tra năm - Kế hoạch kiểm tra năm (có thể lồng ghép trong Kế hoạch thanh tra) - Quyết định phê duyệt kế hoạch thanh tra, kế hoạch kiểm tra của Chủ tịch UBND huyện, thành phố. **<u>Yêu cầu:</u>** - Kế hoạch phải thể hiện rõ các mục tiêu cần đạt được và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong quá trình thanh tra, kiểm tra; - Thể hiện rõ ràng số cuộc thanh tra, số cuộc kiểm tra sẽ thực hiện trong năm; - Phụ lục kèm theo dạng bảng kê chi tiết thể hiện rõ các nội dung: + Số thứ tự; + Tên cuộc thanh tra, kiểm tra (kiểm tra lập danh sách riêng); + Hình thức: Thanh tra KTXH hay Thanh tra trách nhiệm;	Tiểu mục 4.1, mục 4, Phần A

+ Đơn vị được giao thực hiện;
+ Thời gian dự kiến thực hiện.

STT	Tên cuộc thanh tra	Hình thức	Đơn vị thực hiện	Thời gian dự kiến
1	Thanh tra đối với đơn vị A về công tác …	Thanh tra KTXH	Thanh tra huyện	Quý II/2019
2	Thanh tra đối với đơn vị B về công tác …	Thanh tra trách nhiệm	Thanh tra huyện	Quý III/2019

STT	Tên cuộc kiểm tra	Đơn vị thực hiện	Thời gian dự kiến
1	Kiểm tra đối với đơn vị A về công tác …	Thanh tra huyện	Quý II/2019
2	Kiểm tra đối với đơn vị B về cô g tác …	Phòng TNMT	Quý III/2019

4	***(Thanh tra huyện cung cấp nội dung này)*** Hồ sơ tất cả các cuộc thanh tra trách nhiệm, mỗi cuộc bao gồm các văn bản: - Quyết định thanh tra; - Báo cáo kết quả thanh tra; - Kết luận thanh tra; - Công văn chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra (nếu có); - Quyết định thu hồi tiền, tài sản (nếu có); - Biên lai/Văn bản chứng minh việc nộp lại tiền, tài sản của đối tượng tham nhũng (nếu có). Phụ lục kèm theo dạng bảng kê tổng hợp các cuộc thanh tra trách nhiệm đã thực hiện, thể hiện các nội dung như sau: + Số thứ tự; + Tên cuộc thanh tra; + Quyết định thanh tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành); + Báo cáo kết quả thanh tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành); + Kết luận thanh tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành); + Vi phạm quy định phòng ngừa tham nhũng (Liệt kê chi tiết, ngắn gọn hành vi sai phạm nào, hình thức xử lý sai phạm đối với thủ trưởng đơn vị và cá nhân sai phạm nếu có). + Dấu hiệu tham nhũng: Có phát hiện hoặc Không phát hiện.	Tiểu mục 4.2, mục 4, Phần A Mục 3 Phần D

		STT	**Tên cuộc TT**	**Loại**	**Quyết định TT**	**Báo cáo TT**	**Kết luận TT**	**Vi phạm về phòng ngừa tham nhũng**	**Dấu hiệu tham nhũng**	
		1	Thanh tra tại đơn vị A về công tác …	Kế hoạch	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Báo cáo số …/BC-… ngày …/…/2019 của …	Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …	- Không xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí - Không công khai tài chính Xử lý: Đề xuất kiểm điểm Thủ trưởng, công chức, hình thức…	Không	
		2	Thanh tra tại đơn vị B về công tác …	Đột xuất	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Báo cáo số …/BC-… ngày …/…/2019 của …	Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …	Không phát sinh vi phạm	Phát hiện tham nhũng	
		3	Thanh tra tại đơn vị C về công tác …	Kế hoạch	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Báo cáo số …/BC-… ngày …/…/2019 của …	Chưa có kết luận	Không phát sinh vi phạm	Không	
5		***(Thanh tra huyện cung cấp nội dung này)*** Hồ sơ tất cả các cuộc kiểm tra (bao gồm kế hoạch và đột xuất), mỗi cuộc bao gồm các văn bản: - Quyết định kiểm tra (hoặc văn bản thông báo việc kiểm tra); - Kết luận kiểm tra (hoặc văn bản thông báo kết quả kiểm tra). - Công văn chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra (nếu có). - Quyết định thu hồi tiền, tài sản (nếu có) - Biên lai/Văn bản chứng minh việc nộp lại tiền, tài sản của đối tượng tham nhũng (nếu có); Phụ lục kèm theo dạng bảng kê tổng hợp các cuộc kiểm tra đã thực hiện, thể hiện các nội dung như sau: + Số thứ tự;							Tiểu mục 4.2, mục 4, Phần A Mục 3 Phần D

+ Tên cuộc kiểm tra;

+ Loại: Kế hoạch, đột xuất;

+ Quyết định kiểm tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);

+ Kết luận kiểm tra (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);

+ Vi phạm quy định phòng ngừa tham nhũng (Liệt kê chi tiết, ngắn gọn hành vi sai phạm nào, hình thức xử lý sai phạm đối với thủ trưởng đơn vị và cá nhân sai phạm nếu có)

+ Dấu hiệu tham nhũng: Có phát hiện hoặc Không phát hiện.

STT	Tên cuộc KT	Loại	Quyết định KT	Kết luận KT	Vi phạm về phòng ngừa tham nhũng	Dấu hiệu tham nhũng
1	Kiểm tra tại đơn vị A về công tác …	Kế hoạch	Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …	Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …	- Không xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí - Không công khai tài chính Xử lý: Đề xuất kiểm điểm Thủ trưởng, công chức, hình thức…	Không
2	Kiểm tra tại đơn vị B về công tác …	Đột xuất	Thông báo số …/TB-… ngày …/…/2019 của … thông báo kiểm tra	Thông báo số …/TB-… ngày …/…/2019 của … thông báo kết quả kiểm tra	Không phát sinh vi phạm	Phát hiện tham nhũng

6	***(Thanh tra huyện cung cấp nội dung này)*** Báo cáo công tác PCTN theo TT03 của TTCP, bao gồm: Quý I, II, III, IV, 06 tháng, 09 tháng, năm.	Tiểu mục 6.1, mục 6, Phần A
7	***(Văn phòng UBND huyện thực hiện nội dung này)*** Đăng tải lên trang thông tin điện tử của cơ quan:	Tiểu mục 1.1, mục 1, Phần B

	- Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân; - Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; - Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; - Báo cáo công tác PCTN định kỳ (Quý, 06 tháng, 09 tháng, năm); - Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp trên mà theo quy định pháp luật phải công khai, minh bạch. **<u>Yêu cầu:</u>** Chỉ đạo VP UBND huyện tổng hợp tất cả các loại văn bản thuộc phạm vi công khai, chuyển cho bộ phận CNTT đăng tải lên trang thông tin điện tử của cơ quan; tổng hợp đường dẫn có thể truy cập trực tiếp từng văn bản vào mẫu sau:	

STT	Trích yếu	Số	Ng y ban hành	Đường dẫn
Chính sách, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động				
1				
2				
Bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, kinh phí huy động				
1				
2				
Công tác tổ chức cán bộ, quy tắc ứng xử				
1				
2				
Báo c o công tác PCTN				
1				
2				
Các lĩnh vực khác				
1				
2				

8	***(Các phòng chuyên môn, UBND cấp xã cung cấp nội dung này)*** - Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo; - Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; các QĐ chuyển đổi vị trí công tác CC, VC; - Quyết định bổ nhiệm đối với CC, VC;	Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B

	- Kết luận thanh tra, kiểm tra, rà soát trong năm về bổ nhiệm cán bộ (nếu có). **Sau khi tổng hợp đầy đủ văn bản, cơ quan đầu mối của UBND huyện điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:** **Nội dung công khai** / **Tên văn bản** / **Ngày phát hành** / **Ghi chú** Chỉ tiêu biên chế Thông tin tuyển dụng hằng năm Quy hoạch cán bộ Luân chuyển, điều động Kết quả kiểm tra, thanh tra, rà soát việc bổ nhiệ cán bộ	
9	- Công khai số liệu dự toán, quyết toán ngân sách trong năm (Ví dụ: khi đánh giá PCTN năm 2019 thì cung cấp quyết toán năm 2018, dự toán năm 2019): ***(Phòng Tài chính, Kế hoạch cung cấp các văn bản sau của UBND huyện)*** + Quyết định phê duyệt dự toán ngân sách năm 2019; + Quyết định phê duyệt quyết toán ngân sách năm 2018. ***(Các phòng chuyên môn, UBND cấp xã cung cấp nội dung này)*** + Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách của đơn vị - Mẫu số 01/QĐ-CKNS Thông tư số 61/2017/TT-BTC; + Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách của đơn vị - Mẫu số 01/QĐ-CKNS Thông tư số 61/2017/TT-BTC. + Biểu Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách (Quý, 06 tháng, năm) - Biểu mẫu số 03 Thông tư số 90/2018/TT-BTC	Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B

<table>
<tr>
<td></td>
<td>
(Những đơn vị được ngân sách Nhà nước hỗ trợ cung cấp nội dung này)
- Công khai số liệu dự toán, quyết toán kinh phí trong năm (Ví dụ: khi đánh giá PCTN năm 2019 thì cung cấp quyết toán năm 2018, dự toán năm 2019).
+ Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách của đơn vị (Mẫu số 02/QĐ-CKNS, Thông tư số 61/2017/TT-BTC);
+ Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách của đơn vị (Mẫu số 01/QĐ-CKNS, Thông tư số 61/2017/TT-BTC);
+ Biểu Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách (Quý, 06 tháng, năm) (Biểu mẫu số 07, Thông tư số 90/2018/TT-BTC)

(Phòng Tài chính, kế hoạch cung cấp nội dung này)
- Kết luận thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị (nếu có);
- Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị thanh tra, kiểm toán của UBND huyện (nếu có).

Sau khi tổng hợp đầy đủ văn bản, cơ quan đầu mối của UBND huyện điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:
<table>
<tr><th>Nội dung công khai</th><th>Tên văn bản</th><th>Ngày phát hành</th><th>Ghi chú</th></tr>
<tr><td>Dự toán, quyết toán ngân sách (kể cả ngân sách bổ sung)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Số liệu dự toán, quyết toán kinh phí</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Kết quả thanh tra, kiểm toán và kết quả thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>10</td>
<td>
(Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện nội dung này)
- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn:
+ Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất;
</td>
<td>Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B</td>
</tr>
</table>

+ Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất trong năm;

- Kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất:
+ Quyết định giao đất, cho thuê đất;
+ Hợp đồng thuê đất;
+ Biên bản giao đất trên thực địa.

- Việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có), bao gồm:
+ Thông báo thu hồi đất (kèm biên bản giao);
+ Quyết định thu hồi đất (kèm biên bản giao);
+ Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (kèm biên bản giao).

- Việc đấu giá quyền sử dụng đất (nếu có), bao gồm:
+ Kế hoạch đấu giá;
+ Quyết định đấu giá;
+ Hợp đồng thuê đơn vị thực hiện đấu giá;
+ Biên bản kết quả thực hiện đấu giá;
+ Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá (hoặc hủy kết quả).

- Văn bản tổng hợp thể hiện chi tiết các khoản thu ngân sách từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản ở trên địa bàn huyện.

Sau khi tổng hợp đầy đủ văn bản, cơ quan đầu mối của UBND huyện điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:

Nội dung công khai	Tên văn bản	Ngày phát hành	Ghi chú
Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn			
Kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất			
Kế hoạch, kết quả thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			

	Kế hoạch, kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên, khoáng sản				
	Các khoản thu ngân sách từ tài nguyên, khoáng sản				
	Yêu cầu: Phòng TNMT chịu trách nhiệm về sự đầy đủ, hợp pháp của các hồ sơ cung cấp tương ứng với các báo cáo định kỳ.				
11	Các văn bản về lĩnh vực đầu tư công, bao gồm: ***(Phòng Tài chính, kế hoạch cung cấp các văn bản sau)*** - Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn; - Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư công hằng năm; - Báo cáo định kỳ thực hiện kế hoạch đầu tư công. ***(BQL đầu tư xây dựng của huyện cung cấp hồ sơ theo dự án mình thực hiện theo kế hoạch trong năm)*** - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; - Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (dưới 15 tỷ) /dự án (trên 15 tỷ); - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn đơn vị thi công; - Kế hoạch tổ chức đấu thầu (trường hợp đấu thầu); - Quyết định công nhận kết quả đấu thầu; - Báo cáo thông tin công trình (thời gian bắt đầu, kết thúc). ***(Các phòng chuyên môn, UBND cấp xã cung cấp nội dung này)*** - Kế hoạch mua sắm công hằng năm; - Danh mục mua sắm công kèm theo kế hoạch; - Báo cáo quyết toán ngân sách. ***(Phòng Tài chính kế hoạch cung cấp nội dung này)***				Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần B

<table>
<tr>
<td></td>
<td>
- Kế hoạch mua sắm tập trung hằng năm (nếu có);
- Báo cáo quyết toán mua sắm tập trung hằng năm (nếu có).

Sau khi tổng hợp đầy đủ văn bản, cơ quan đầu mối của UBND huyện điền thông tin tất cả các văn bản trên vào biểu mẫu sau:
<table>
<tr><th>Nội dung công khai</th><th>Tên văn bản</th><th>Ngày phát hành</th><th>Ghi chú</th></tr>
<tr><td>Kế hoạch, chương trình đầu tư, mua sắm công</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Danh mục dự án đầu tư, mua sắm công</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Việc thực hiện đầu tư, mua sắm công</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Báo cáo kết quả thực hiện, kết quả đầu tư</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
<u>Yêu cầu:</u> Phòng Tài chính, Kế hoạch (Phòng Quản lý đô thị) và BQL dự án huyện chịu trách nhiệm về sự đầy đủ, hợp pháp của các hồ sơ cung cấp tương ứng với các báo cáo định kỳ.
</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>12</td>
<td>
(Phòng Nội vụ cung cấp nội dung này)
- Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm;
- Các Quyết định chuyển đổi vị trí công tác;
- Báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác.

<u>Yêu cầu:</u>
- Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải thể hiện rõ số lượng đối tượng đủ điều kiện chuyển đổi kèm phụ lục danh sách người dự kiến chuyển đổi;
</td>
<td>Mục 3, Phần B</td>
</tr>
</table>

	- Báo cáo kết quả chuyển đổi phải thể hiện rõ số lượng đã thực hiện chuyển đổi theo kế hoạch, nguyên nhân chưa thực hiện chuyển đổi kèm phụ lục danh sách các trường hợp đã chuyển đổi theo kế hoạch.	
13	***(Thanh tra huyện cung cấp nội dung này)*** - Công văn/Kế hoạch của UBND huyện, thành phố chỉ đạo triển khai công tác kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập trên địa bàn; - Danh sách các đối tượng kê khai tài sản, thu nhập của các đơn vị trực thuộc UBND huyện, thành phố và UBND các phường, xã, thị trấn; - Công văn/Kế hoạch của các đơn vị trực thuộc UBND huyện, thành phố và UBND các phường, xã, thị trấn tiến hành công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập; - Biên bản công khai các bản kê khai tài sản thu nhập của các đơn vị trực thuộc UBND huyện, thành phố và UBND các phường, xã, thị trấn: Biên bản họp cơ quan/Biên bản niêm yết (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, trừ trường hợp thực hiện công khai chung với cơ quan chủ quản); - Báo cáo minh bạch tài sản, thu nhập của UBND huyện, thành phố; - Quyết định xác minh tài sản, thu nhập (nếu có); - Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (nếu có).	Mục 4, Phần B
14	***(Các phòng chuyên môn, UBND cấp xã cung cấp nội dung này)*** - Quy chế chi tiêu nội bộ trong năm; - Quy chế quản lý tài sản công trong năm.	Mục 5, Phần B
15	***(Thanh tra huyện cung cấp nội dung này)*** - Công văn chỉ đạo xử lý trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra tham nhũng trong đơn vị trực thuộc (nếu có); - Quyết định xử lý kỷ luật đối với thủ trưởng đơn vị trực thuộc để xảy ra tham nhũng trong đơn vị (nếu có).	Mục 6, Phần B
16	***(Các phòng chuyên môn, UBND cấp xã cung cấp nội dung này)*** Hồ sơ tất cả các vụ giải quyết tố cáo, mỗi vụ bao gồm các văn bản: - Đơn tố cáo; - Quyết định thụ lý; - Kết luận nội dung tố cáo. - Công văn chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra (nếu có). - Quyết định xử lý nội dung tố cáo (nếu có); - Quyết định thu hồi tiền, tài sản (nếu có); - Biên lai/Văn bản chứng minh việc nộp lại tiền, tài sản của đối tượng tham nhũng (nếu có). Phụ lục kèm theo dạng bảng kê tổng hợp các vụ giải quyết tố cáo đã thực hiện, thể hiện các nội dung như sau: + Số thứ tự;	Tiểu mục 3.1, 3.2 mục 3, Phần C Mục 3 Phần D

<table>
<tr><td></td><td>+ Tên vụ tố cáo;
+ Quyết định thụ lý (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);
+ Kết luận nội dung tố cáo (Số, ngày văn bản, cơ quan ban hành);
+ Dấu hiệu tham nhũng: Có phát hiện hoặc Không phát hiện.

<table><tr><th>STT</th><th>Tên vụ tố cáo</th><th>Quyết định thụ lý</th><th>Kết luận nội dung TC</th><th>Dấu hiệu tham nhũng</th></tr><tr><td>1</td><td>Tố cáo đối với … về hành vi …</td><td>Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …</td><td>Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …</td><td>Không</td></tr><tr><td>2</td><td>Tố cáo đối với … về hành vi …</td><td>Quyết định số …/QĐ-… ngày …/…/2019 của …</td><td>Kết luận số …/KL-… ngày …/…/2019 của …</td><td>Phát hiện tham nhũng</td></tr></table></td><td></td></tr>
<tr><td>17</td><td>(Cơ quan ban hành quyết định kỷ luật cung cấp nội dung này)
- Quyết định xử lý kỷ luật đối với cá nhân có hành vi tham nhũng thuộc thẩm quyền của cơ quan và các đơn vị trực thuộc (nếu có).</td><td>Tiểu mục 1.2, mục 1, Phần D</td></tr>
</table>

Phụ lục 1:
UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....
(ban hành kèm theo Công văn số 1797/UBND-NCPC ngày 20/ 8 /2019)

Phụ lục 1: THUYẾT MINH VIỆC TỰ CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG		ĐIỂM
A. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC PCTN		**20**
1. Lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCTN:		**5.0**
1.1 Văn bản chỉ đạo về công tác PCTN		2
Việc ban hành các văn bản chỉ đạo công tác PCTN phải đáp ứng các yêu cầu về đầy đủ nội dung và kịp thời.		
1.1.1 Yêu cầu nội dung:		1
1.1.1.1 Triển khai công tác PCTN do Trung ương chỉ đạo[1]. Cách tính điểm như sau:		*0.9*
Mức độ yêu cầu	**Điểm số**	
Có chỉ đạo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	0.9	

(1) - Chương trình số 142-CTr/BCĐTW ngày 02/2/2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN về Chương trình công tác năm 2018.

- Kế hoạch số 162-KH/BCĐTW ngày 31/5/2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) về việc tổ chức Hội nghị toàn quốc về công tác PCTN năm 2018.
- Kế hoạch số 165-KH/BCĐTW ngày 11/6/2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng về việc tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về thanh tra vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.
- Văn bản số 3564/VPCP-V.I ngày 14/8/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình công tác năm 2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN.
- Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ
- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp
- Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban CHấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06/6/2018 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW
- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương
- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục liên quan.
- Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/17/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước

Thiếu mỗi nội dung không có ý kiến chỉ đạo	-0.1	
Yêu cầu: *Địa phương liệt kê các văn bản triển khai các chỉ đạo từ trung ương do địa phương ban hành trong thời kỳ lấy số liệu, nêu trích yếu nội dung phù hợp theo thứ tự sau:* *Tên văn bản – ngày ban hành - nội dung trích yếu* *(Văn bản chi tiết tại phụ lục……kèm theo)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ….. ***Đánh giá đạt …. Điểm***		
1.1.1.2 Triển khai công tác PCTN từ thực tế địa phương.		*0.1*
Chỉ số này đánh giá việc chỉ đạo của UBND cấp tỉnh theo các nhiệm vụ PCTN đặt ra từ thực tế điều hành của địa phương. Cách tính điểm như sau:		
Mức độ hoàn thành	**Điểm số**	
Có văn bản chỉ đạo	0.1	
Không có văn bản chỉ đạo	0	
Yêu cầu: Nêu rõ tên, nội dung trích yếu văn bản, ngày ban hành(tài liệu được lưu theo chỉ mục tại Phụ lục 1) *(Văn bản chi tiết tại phụ lục……kèm theo)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ….. ***Đánh giá đạt …. Điểm***		
1.1.2 Yêu cầu về tính kịp thời:		1
Chỉ số này đánh giá sự kịp thời trong chỉ đạo, lãnh đạo về công tác PCTN của địa phương. Việc chỉ đạo, lãnh đạo được coi là kịp thời nếu trong vòng 01 tháng tính từ thời điểm Trung ương ra văn bản chỉ đạo, UBND cấp tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện.		
Cách tính điểm như sau:		
Mức độ hoàn thành	**Điểm số**	
Tất cả các văn bản được ban hành kịp thời	1	
Mỗi văn bản ban hành muộn từ 1 tháng trở lên	-0.1	
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá: ….. ***Đánh giá đạt …. Điểm***		

<table>
<tr><td colspan="2">1.2 Chương trình, kế hoạch PCTN</td><td>3</td></tr>
<tr><td colspan="2">1.2.1 Về hình thức văn bản:</td><td>1</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này đánh giá, khuyến khích địa phương có Văn bản thống nhất về chương trình, kế hoạch PCTN do UBND cấp tỉnh ban hành.

Cách tính điểm như sau:
<table><tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr><tr><td>Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành</td><td>1</td></tr><tr><td>Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành</td><td>0</td></tr></table><u>Yêu cầu</u>: Cung cấp Kế hoạch của UBND tỉnh (nếu có) về chương trình, kế hoạch giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">1.2.2 Về nội dung:</td><td>2</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nội dung chương trình, kế hoạch PCTN do UBND cấp tỉnh ban hành hoặc tổng hợp từ các kế hoạch thành phần do cơ quan của UBND tỉnh ban hành áp dụng cho toàn tỉnh.</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">1.2.2.1 Xác định mục tiêu.</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được về: (1) Hoàn thiện thể chế quản lý; (2) Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật; (3) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa; (4) Thực hiện các biện pháp phát hiện và (5) Xử lý tham nhũng trong năm của địa phương.

Cách tính điểm như sau:
<table><tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr><tr><td>Xác định đầy đủ 5 mục tiêu</td><td>0.5</td></tr><tr><td>Thiếu mỗi mục tiêu</td><td>-0.1</td></tr></table>Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td colspan="2">1.2.2.2 Xác định những nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể.</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình tại địa phương theo các mục tiêu đã xác định.
Cách tính điểm như sau:</td><td rowspan="4"></td></tr>
<tr><td>Mức độ hoàn thành</td><td>Điểm số</td></tr>
<tr><td>Xác định đầy đủ các nhiệm vụ hoặc hoạt động</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td>Thiếu mỗi nhóm nhiệm vụ hoặc hoạt động cho mỗi mục tiêu</td><td>-0.1</td></tr>
<tr><td colspan="2">Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td></tr>
<tr><td colspan="2">1.2.2.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.</td><td>1</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ, hoạt động đề ra.
Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.
Cách tính điểm như sau:</td><td rowspan="4"></td></tr>
<tr><td>Mức độ hoàn thành</td><td>Điểm số</td></tr>
<tr><td>Phân công rõ ràng, cụ thể, đầy đủ cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung công việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu.</td><td>1</td></tr>
<tr><td>Không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho mỗi hoạt động.</td><td>-0.1</td></tr>
<tr><td colspan="2">Yêu cầu: cung cấp khung nội dung phân công nếu có theo mẫu(có kèm theo văn bản mô tả ở Phụ lục 1):
Hoạt động - Đơn vị thực hiện/phối hợp - Nội dung thực hiện - thời gian hoàn thành
……
(Văn bản chi tiết tại phụ lục……kèm theo)
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>2. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng:</td><td>2.0</td></tr>
<tr><td>2.1 Ban hành kế hoạch:</td><td>0.9</td></tr>
<tr><td>2.1.1 Về hình thức kế hoạch:</td><td>0.1</td></tr>
<tr><td>Chỉ số này khuyến khích địa phương có văn bản thống nhất về chương trình, kế hoạch nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế do UBND cấp tỉnh ban hành.

Cách tính điểm như sau:
<table>
<tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr>
<tr><td>Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành</td><td>0.1</td></tr>
<tr><td>Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành</td><td>0</td></tr>
</table>
Yêu cầu: Cung cấp Kế hoạch của UBND tỉnh (nếu có) về nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng:
……
(Văn bản chi tiết tại phụ lục……kèm theo)
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td><td></td></tr>
<tr><td>Về nội dung: Nội dung kế hoạch bao gồm:</td><td></td></tr>
<tr><td>2.1.2 Xác định mục tiêu</td><td>0.1</td></tr>
<tr><td>Chỉ số đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được trong nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng ở địa phương.
Cách tính điểm như sau:
<table>
<tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr>
<tr><td>Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu và hoạt động cụ thể</td><td>0.1</td></tr>
<tr><td>Không xác định rõ mục tiêu, hoạt động cụ thể.</td><td>0</td></tr>
</table>
Yêu cầu: Nêu rõ mục tiêu được đề cập trong văn bản, nội dung trích yếu, tên văn bản và đường dẫn
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td colspan="2">2.1.3 Xác định những nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.</td><td>0.1</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này đánh giá việc xác định nhiệm vụ, hoạt động cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình tại địa phương theo mục tiêu đã xác định.

Cách tính điểm như sau:</td><td rowspan="4"></td></tr>
<tr><td>Mức độ hoàn thành</td><td>Điểm số</td></tr>
<tr><td>Xác định rõ, đầy đủ nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể</td><td>0.1</td></tr>
<tr><td>Không xác định rõ các nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể</td><td>0</td></tr>
<tr><td colspan="2">Yêu cầu: Liệt kê chi tiết các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể được đề cập ở văn bản ở trên; có ghi chú hoạt động nào chưa hoàn thành để phục vụ cho câu trả lời 2.2 của mục này
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td></tr>
<tr><td colspan="2">2.1.4 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.</td><td>0.6</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ hoạt động đề ra.
Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.
Cách tính điểm như sau:</td><td rowspan="4"></td></tr>
<tr><td>Mức độ hoàn thành</td><td>Điểm số</td></tr>
<tr><td>Phân công đơn vị thực hiện, kinh phí đầy đủ đối với từng hoạt động và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp</td><td>0.6</td></tr>
<tr><td>Không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho mỗi nội dung.</td><td>-0.1</td></tr>
<tr><td colspan="2"><u>Yêu cầu</u>: Cung cấp bảng phân công nhiệm vụ đối với các hoạt động đã nêu ở trên
Mức độ đáp ứng của địa phương:
- Tổng số hoạt động theo kế hoạch: …… hoạt động (chi tiết xem tại các văn bản……)
- Số hoạt động hoàn thành: …… hoạt động (chi tiết tại báo cáo ……)
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td></tr>
</table>

2.2 Kết quả thực hiện xây dựng thể chế: 0.6

Chỉ số này đánh giá việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số hoạt động hoàn thành} \times 0.6}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$$

Mức độ đáp ứng của địa phương:

- *Tổng số hoạt động theo kế hoạch: …… hoạt động (chi tiết xem tại các văn bản……)*
- *Số hoạt động hoàn thành: …… hoạt động (chi tiết tại báo cáo ……)*

Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:

…..

Đánh giá đạt …. Điểm

2.3 Có kiến nghị hoàn thiện thể chế: 0.5

Chỉ số này đánh giá việc chủ động phát hiện những sơ hở bất cập về chính sách quản lý và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi để loại bỏ điều kiện phát sinh tham nhũng. Kiến nghị phải được thể hiện bằng văn bản hoặc ở các báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng kết. Các kiến nghị này phải từ thực tiễn của địa phương.

Cách tính điểm như sau:

Kết quả	Điểm số
Trên 8 kiến nghị	0.5
Từ 6 đến 8 kiến nghị	0.4
Từ 4 đến 5 kiến nghị	0.3
Từ 1 đến 3 kiến nghị	0.2
Không có kiến nghị	0

<u>Yêu cầu:</u> Liệt kê các kiến nghị cũng như tên văn bản, số văn bản, nội dung chi tiết văn bản đã ban hành có kiến nghị đã nêu

Mức độ đáp ứng của địa phương:

- *Kiến nghị thứ nhất: ……(tại văn bản……)*
- *Kiến nghị thứ nhất: ……(tại văn bản……)*
- *……*

Tổng số: ……Kiến nghị

Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:

…..

Đánh giá đạt …. Điểm

<table>
<tr><td colspan="2">3. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN:</td><td>3.0</td></tr>
<tr><td colspan="2">3.1 Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN:</td><td>0.9</td></tr>
<tr><td colspan="2">3.1.1 Về hình thức:</td><td>0.1</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này khuyến khích địa phương có văn bản thống nhất về chương trình, kế hoạch giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN do UBND cấp tỉnh ban hành.
Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành | Điểm số
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành | 0.1
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành | 0
<u>Yêu cầu:</u> Cung cấp Kế hoạch của UBND tỉnh (nếu có) về chương trình, kế hoạch giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
<u>Đánh giá đạt …. Điểm</u></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">3.1.2 Về nội dung:</td><td>0.8</td></tr>
<tr><td colspan="2">3.1.2.1 Xác định mục tiêu cụ thể.</td><td>0.2</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được của các nhóm công tác: (1) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và pháp luật PCTN nói riêng theo yêu cầu của địa phương và Chương trình phổ biến pháp luật theo Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Giáo dục phòng, chống tham nhũng đối với các đối tượng và (3) Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành | Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu cụ thể cho từng nhóm đối tượng | 0.2
Không xác định rõ, đầy đủ mục tiêu | 0
<u>Yêu cầu:</u> nêu rõ các mục tiêu của chương trình, kế hoạch giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN theo mẫu sau:
Mục tiêu - Đối tượng- Hoạt động cụ thể(phục vụ cho câu 3.1.2.2). Để đạt được điểm tối đa nội dung này thì Văn bản phải đầy đủ ít nhất 3 mục tiêu của 3 nhóm công tác nêu ở trên
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
<u>Đánh giá đạt …. Điểm</u></td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td colspan="2">3.1.2.2 Xác định những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể.</td><td>0.3</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này đánh giá việc xác định các hoạt động cụ thể để đạt được các mục tiêu.
Cách tính điểm như sau:
<table><tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr><tr><td>Xác định rõ, đầy đủ các nhóm nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể cho mỗi mục tiêu</td><td>0.3</td></tr><tr><td>Thiếu mỗi nhiệm vụ hoặc hoạt động</td><td>-0.1</td></tr></table>Yêu cầu: Nêu rõ mục tiêu được đề cập trong văn bản, nội dung trích yếu, tên văn bản và đường dẫn
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">3.1.2.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.</td><td>0.3</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ hoạt động đề ra.
Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.
Cách tính điểm như sau:
<table><tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr><tr><td>Phân công đầy đủ nội dung công việc và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp</td><td>0.3</td></tr><tr><td>Không phân công các công việc cụ thể không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp</td><td>0</td></tr></table><u>Yêu cầu:</u> Liệt kê chi tiết các nội dung công việc và bảng phân công chi tiết có các đơn vị thực hiện. Để đạt được điểm tối đa nội dung này thì các công việc phải đủ 3 nhóm nội dung được đề cập ở trên
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">3.2 Thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN</td><td>1.6</td></tr>
<tr><td colspan="2">3.2.1 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg</td><td>0.6</td></tr>
</table>

Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục tại địa phương theo Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện x } \mathbf{0.6}}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$ *<u>Yêu cầu</u>: Cung cấp bảng phân công nhiệm vụ đối với các hoạt động đã nêu ở trên* *Mức độ đáp ứng của địa phương:* - *Tổng số hoạt động theo kế hoạch: …… hoạt động (chi tiết xem tại các văn bản……)* - *Số hoạt động hoàn thành: …… hoạt động (chi tiết tại báo cáo ……)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** **…..** ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
3.2.2 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện chỉ thị 05/CT-TW	0.5
Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện đẩy mạnh việc tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05/CT-TW của Bộ Chính trị. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện x } \mathbf{0.5}}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$ *<u>Yêu cầu</u>: Cung cấp bảng phân công nhiệm vụ đối với các hoạt động đã nêu ở trên* *Mức độ đáp ứng của địa phương:* - *Tổng số hoạt động theo kế hoạch: …… hoạt động (chi tiết xem tại các văn bản……)* - *Số hoạt động hoàn thành: …… hoạt động (chi tiết tại báo cáo ……)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** **…..** ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
3.2.3 Thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật của địa phương	0.5

Chỉ số này đánh giá kết quả hoàn thành kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật của địa phương và Chương trình phổ biến pháp luật theo Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Các hoạt động đã hoàn thành x } \mathbf{0.5}}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$$

Hoạt động đã hoàn thành là hoạt động trong kế hoạch đã được kết thúc đến sản phẩm cuối cùng.

<u>Yêu cầu</u>: Cung cấp bảng phân công nhiệm vụ đối với các hoạt động đã nêu ở trên
Mức độ đáp ứng của địa phương:

- *Tổng số hoạt động theo kế hoạch: …… hoạt động (chi tiết xem tại các văn bản……)*
- *Số hoạt động hoàn thành: …… hoạt động (chi tiết tại báo cáo ……)*

Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm

3.3 Sáng tạo trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN — 0.5

Chỉ số này nhằm khuyến khích địa phương sáng tạo để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	**Điểm số**
Có sáng tạo	0.5
Không có sự sáng tạo	0

Sáng tạo là cách làm mới, hình thức mới trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN phù hợp với địa phương mình. *<u>Yêu cầu:</u> Nêu rõ cách làm mới, sáng tạo đã được địa phương áp dụng trong năm 2018. (có văn bản hoặc sản phẩm sáng tạo đính kèm)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
4. Công tác thanh tra, kiểm tra	**7.0**
4.1 Kế hoạch thanh tra, kiểm tra	1.5
Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại địa phương do UBND cấp tỉnh thống nhất ban hành thành kế hoạch chung hoặc tổng hợp từ kế hoạch thanh tra, kiểm tra của UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh.	
4.1.1 Về hình thức:	0.5
Chỉ số này khuyến khích UBND cấp tỉnh ban hành văn bản về kế hoạch thanh tra, kiểm tra. Cách tính điểm như sau:	

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0.5
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0

Yêu cầu: Cung cấp Kế hoạch của UBND tỉnh (nếu có) về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại địa phương trong năm 2018 ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
4.1.2 Về nội dung:	1
4.1.2.1 Xác định mục tiêu.	0.3
Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được của các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện trong công tác thanh tra, kiểm tra. Cách tính điểm như sau:	

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công tác thanh tra, kiểm tra ở địa phương	0.3
Không xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công tác thanh tra, kiểm tra ở địa phương	0

Yêu cầu: Nêu rõ mục tiêu được đề cập trong văn bản, nội dung trích yếu, tên văn bản và đường dẫn ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
4.1.2.2 Xác định những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể.	0.4
Chỉ số này đánh giá việc xác định các hoạt động cụ thể để đạt được các mục tiêu. Cách tính điểm như sau:	

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các nhóm nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể cho mỗi mục tiêu	0.4
Thiếu mỗi nhiệm vụ hoặc hoạt động	-0.1

Yêu cầu: Để đạt được điểm tối đa nội dung này thì các công việc phải đủ nội dung được đề cập ở trên. Địa phương liệt kê chi tiết các nội dung công việc và bảng phân công nhiệm vụ, hoạt động chi tiết của các đơn vị trên địa bàn. ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
4.1.2.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.	*0.3*
Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ hoạt động đề ra. *Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.* Cách tính điểm như sau:	

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Phân công đầy đủ nội dung công việc và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.3
Không phân công các công việc cụ thể không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0

Yêu cầu: Để đạt được điểm tối đa nội dung này thì các công việc phải đủ nội dung được đề cập ở trên. Địa phương liệt kê chi tiết các nội dung công việc và bảng phân công trách nhiệm thực hiện của các đơn vị trên địa bàn. ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	

4.2 Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra	5.5
4.2.1 Việc thực hiện thanh tra trách nhiệm:	2.5
Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện thanh tra trách nhiệm theo kế hoạch. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra trách nhiệm đã hoàn thành x } \mathbf{2.5}}{\text{Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm triển khai theo kế hoạch}}$ *Cuộc thanh tra trách nhiệm đã hoàn thành là cuộc thanh tra trong kế hoạch năm đã có kết luận.* *<u>Yêu cầu</u>: Địa phương liệt kê chi tiết các nội dung công việc theo mẫu sau:* *-Tổng số cuộc thanhtra trách nhiệm theo kế hoạch của các sở ban ngành, quận,huyện:* *…… (Liệt kê số cuộc thanh tra từng đơn vị theo mẫu:* *Số cuộc thanh tra – Kế hoạch số - đơn vị ban hành - ngày ban hành)* *-Tổng số cuộc thanhtra trách nhiệm đã hoàn thành của các sở ban ngành, quận,huyện:* *…… (Liệt kê số cuộc thanh tra từng đơn vị theo mẫu:* *Số cuộc thanh tra – báo cáo số - đơn vị ban hành - ngày ban hành)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** **…..** ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
4.2.2 Việc triển khai kế hoạch thanh tra kinh tế - xã hội:	2
4.2.2.1 Việc triển khai kế hoạch thanh tra KTXH.	*0.5*
Chỉ số này đánh giá việc triển khai các cuộc thanh tra KTXH theo kế hoạch đã được ban hành. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra KTXH kết thúc x } \mathbf{0.5}}{\text{Tổng số cuộc thanh tra KTXH theo kế hoạch và đột xuất trong năm}}$	

Cuộc thanh tra KTXH kết thúc là cuộc thanh tra đã có báo cáo kết quả thanh tra. *<u>Yêu cầu:</u> Địa phương liệt kê chi tiết các nội dung công việc theo mẫu sau :* *- Tổng số cuộc thanh tra KTXH theo kế hoạch và đột xuất của các sở ban ngành, quận,huyện: …… (Liệt kê số cuộc thanh tra từng đơn vị theo mẫu:* *Số cuộc thanh tra – Văn bản số - đơn vị ban hành - ngày ban hành)* *-Tổng số cuộc thanh tra KTXH đã kết thúc của các sở ban ngành, quận,huyện: ……* *(Liệt kê số cuộc thanh tra từng đơn vị theo mẫu:* *Số cuộc thanh tra – báo cáo số - đơn vị ban hành - ngày ban hành)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *…..* ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
4.2.2.2 Kết quả thực hiện kế hoạch các cuộc thanh tra KTXH.	*1.5*
Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện các cuộc thanh tra KTXH. Cách tính điểm như sau $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra KTXH hoàn thành x } \mathbf{1.5}}{\text{Tổng số cuộc thanh tra KTXH đã triển khai theo kế hoạch và đột xuất trong năm}}$ *Cuộc thanh tra KTXH hoàn thành là cuộc thanh tra đã có kết luận.* *<u>Yêu cầu:</u> Địa phương liệt kê chi tiết các nội dung công việc theo mẫu sau :* *- Tổng số cuộc thanh tra KTXH theo kế hoạch và đột xuất trong năm của các sở ban ngành, quận,huyện: …… (Liệt kê số cuộc thanh tra từng đơn vị theo mẫu:* *Số cuộc thanh tra – Văn bản số - đơn vị ban hành - ngày ban hành)* *-Tổng số cuộc thanh tra KTXH đã hoàn thành của các sở ban ngành, quận,huyện: …… (Liệt kê số cuộc thanh tra từng đơn vị theo mẫu:* *Số cuộc thanh tra – Báo cáo số - đơn vị ban hành - ngày ban hành)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *…..* ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
4.2.3 Việc triển khai kế hoạch kiểm tra	1
Chỉ số này nhằm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra đã được ban hành. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc kiểm tra hoàn thành x } \mathbf{1.0}}{\text{Tổng số cuộc kiểm tra theo kế hoạch}}$	

Cuộc kiểm tra hoàn thành là cuộc kiểm tra trong năm đã có kết luận.
Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết các nội dung công việc theo mẫu sau:

-Tổng số cuộc Kiểm tra trách nhiệm theo kế hoạch của các sở ban ngành, quận,huyện:
…… (Liệt kê số cuộc kiểm tra từng đơn vị theo mẫu:
Số cuộc kiểm tra – Kế hoạch số - đơn vị ban hành - ngày ban hành)
-Tổng số cuộc kiểm tra trách nhiệm đã hoàn thành của các sở ban ngành, quận,huyện:
…… (Liệt kê số cuộc kiểm tra từng đơn vị theo mẫu:
Số cuộc kiểm tra – báo cáo số - đơn vị ban hành - ngày ban hành)
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm

5. Về sự tham gia của xã hội trong công tác PCTN	**2**
5.1 Xây dựng nội dung phối hợp về công tác PCTN	0.6
5.1.1 Có quy chế phối hợp công tác giữa UBND và cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh:	0.4

Chỉ số này khuyến khích UBND cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp công tác với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên về PCTN.
Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có quy chế phối hợp	0.4
Không có quy chế phối hợp	0

Yêu cầu: Cung cấp Quy chế phối hợp giữa hối hợp công tác với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên về PCTN
Tên văn bản – số VB- Trích yếu – ngày ban hành – chi tiết (xem phụ lục)
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
…..
Đánh giá đạt …. Điểm

5.1.2 Có chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp công tác với UBMTTQ:	0.2

Chỉ số này đánh giá chỉ đạo của UBND cấp tỉnh đối với các đơn vị trực thuộc trong phối hợp công tác với UBMTTQ và các tổ chức thành viên về PCTN.
Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản chỉ đạo	0.2
Không có văn bản chỉ đạo	0

Yêu cầu: Cung cấp văn bản chỉ đạo của UBND cấp tỉnh đối với các đơn vị trực thuộc trong phối hợp công tác với UBMTTQ và các tổ chức thành viên về PCTN. ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ….. ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
5.2 Tiếp thu các kiến nghị sau giám sát	0.4
Chỉ số này đánh giá sự tiếp thu của UBND cấp tỉnh đối với các kiến nghị sau giám sát của UBMTTQ và các tổ chức thành viên các cấp trong các hoạt động giám sát. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số kiến nghị sau giám sát được tiếp thu} \times \mathbf{0.4}}{\text{Tổng số kiến nghị sau giám sát}}$ *Kiến nghị sau giám sát được tiếp thu là kiến nghị trong báo cáo giám sát đã được UBND cấp tỉnh thực hiện và có văn bản trả lời.* *Yêu cầu: Liệt kê các văn bản tiếp thu đối với kiến nghị giám sát của UBMTQ trong năm 2018 theo mẫu:* - *Kiến nghị thứ nhất - Văn bản tiếp thu số - ngày ban hành .(tại văn bản……)* - *Kiến nghị thứ hai*…… ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ….. ***Đánh giá đạt …. Điểm*** *Nếu trong năm 2018 không có báo cáo, kiến nghị giám sát của MTTQ thì nội dung này địa phương sẽ không có điểm.*	
5.3 Tổ chức tiếp công dân	1
5.3.1 Việc tiếp công dân của lãnh đạo UBND cấp tỉnh:	0.7
Chỉ số này đánh giá trách nhiệm thực hiện quy định về tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:	

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp đủ 12 tháng trong năm	0.7
Thiếu mỗi tháng không tiếp công dân	-0.1

<table>
<tr><td><u>Yêu cầu</u>: Đia phươngliệt kê số lần tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố và cung cấp Biên bản tiếp công dân hàng tháng và thông báo của UBND về kết quả tiếp công dân hàng tháng.
Nếu Chủ tịch tỉnh tiếp công dân nhiều hơn 1 lần /1 tháng thì vẫn được tính là 1 lần trong tháng đó; Số lần Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp công dân dưới 5 lần/1 năm thì địa phương đạt 0 điểm ở nội dung này
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
.....
Đánh giá đạt .... Điểm</td><td></td></tr>
<tr><td>5.3.2 Việc tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân bằng các hình thức khác:</td><td>0.3</td></tr>
<tr><td>Chỉ số này đánh giá việc UBND cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân bằng các hình thức khác như: (1) thiết lập số điện thoại đường dây nóng; (2) hộp thư điện tử - email và (3) giao tiếp qua Cổng thông tin điện tử.

Cách tính điểm như sau:
<table>
<tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr>
<tr><td>Có đầy đủ 03 hình thức nêu trên</td><td>0.3</td></tr>
<tr><td>Thiếu mỗi hình thức</td><td>-0.1</td></tr>
</table>
<u>Yêu cầu:</u> Cung cấp văn bản của UBND cấp tỉnh về việc tổ chức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân bằng các hình thức khác như: (1) thiết lập số điện thoại đường dây nóng; (2) hộp thư điện tử - email và (3) giao tiếp qua Cổng thông tin điện tử.
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
.....
Đánh giá đạt .... Điểm</td><td></td></tr>
<tr><td>6. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về PCTN</td><td>1</td></tr>
<tr><td>6.1 Thực hiện đầy đủ kịp thời chế độ thông tin, báo cáo</td><td>0.5</td></tr>
<tr><td>Chỉ số này đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo về PCTN của UBND cấp tỉnh lên Trung ương.

Cách tính điểm như sau:

Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số báo cáo đã thực hiện x } \mathbf{0.5}}{\text{Tổng số báo cáo phải thực hiện}}$</td><td></td></tr>
</table>

Báo cáo đã thực hiện là báo cáo đảm bảo đúng yêu cầu về nội dung, hình thức và thời hạn nộp báo cáo. *<u>Yêu cầu:</u>Liệt kê Số báo cáo, tên báo cáo; ngày ban hành.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
6.2 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo ở địa phương	0.5
Chỉ số này đánh giá việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về PCTN của các đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện.	
Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số đơn vị hoàn thành báo cáo x } \mathbf{0.5}}{\text{Tổng số đơn vị phải báo cáo}}$ *Đơn vị hoàn thành báo cáo là đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời yêu cầu báo cáo trong năm.* *<u>Yêu cầu</u>: Cung cấp Danh mục văn bản báo cáo* - *Tổng số tổng số báo cáo cần thực hiện (chi tiết xem tại các văn bản……)* - *Số đơn vị hoàn thành báo cáo: …… (chi tiết tại báo cáo ……)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt …. Điểm***	

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA	**30**
1. Việc thực hiện công khai, minh bạch	**9**
1.1 Thực hiện công khai chính sách, pháp luật trên cổng thông tin điện tử	1
Chỉ số này đánh giá việc thực hiện công khai bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử các văn bản quy định thuộc 19 lĩnh vực phải công khai theo quy định tại điều Mục 1 Chương II Luật PCTN. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số văn bản đã đăng tải lên cổng thông tin điện tử x } \mathbf{1.0}}{\text{Tổng số văn bản đã ban hành}}$ *<u>Yêu cầu:</u> Liệt kê số văn bản thuộc 19 lĩnh vực phải công khai theo thứ tự: STT- Tên văn bản - Số văn bản- ngày phát hành - lĩnh vực - Đường dẫn điện tử* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt …. Điểm***	

1.2 Công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực được lựa chọn trong năm 2018	8
1.2.1 Công tác cán bộ:	1.5
Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch công tác tổ chức, cán bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh bao gồm các nội dung sau: (1) Công khai phân bổ Chỉ tiêu biên chế; (2) Công khai thông tin tuyển dụng hàng năm của cơ quan, đơn vị; (3) Công khai quy hoạch cán bộ; (4) Công khai thông tin luân chuyển, điều động; (5) Công khai việc bầu, bổ nhiệm CB,CC,VC và (6) Kết quả kiểm tra, thanh tra, rà soát năm 2018 về việc bổ nhiệm cán bộ. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ x } \mathbf{1.5}}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ *Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 6 nội dung nêu trên.* *Yêu cầu: Địa phương liệt kê danh sách các đơn vị đã công khai đầy đủ các nội dung nêu trên theo Phụ lục số 4 :* *Tên đơn vị công khai đầy đủ:* *Nội dung công khai số 1 (Công khai phân bổ Chỉ tiêu biên chế) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan* ..... *Nội dung công khai số 6 (Kết quả kiểm tra, thanh tra, rà soát năm 2018 về việc bổ nhiệm cán bộ.) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** **.....** ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
1.2.2 Về lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước:	1.5
Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh, bao gồm các nội dung sau: (1) Số liệu dự toán ngân sách năm 2018, quyết toán ngân sách 2017 (kể cả ngân sách bổ sung) được công khai theo quy định; (2) Số liệu dự toán kinh phí năm 2017, quyết toán năm 2017 của các đơn vị dự toán và (3) Kết quả thanh tra, kiểm toán và kết quả thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị (nếu có). Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ x } \mathbf{1.5}}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$	

Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 3 nội dung nêu trên.
Yêu cầu: Địa phương liệt kê danh sách các đơn vị đã công khai đầy đủ các nội dung nêu trên theo Phụ lục số 4:
Tên đơn vị công khai đầy đủ:
- Nội dung công khai số 1 (Số liệu dự toán ngân sách năm 2018, quyết toán ngân sách 2017)
- Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan
.....
- Nội dung công khai số 3 (Kết quả thanh tra, kiểm toán và kết quả thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan.
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
.....
Đánh giá đạt .... Điểm
Đánh giá đạt .... Điểm

1.2.3 Về lĩnh vực đất đai, tài nguyên:	1.5

Chỉ số này đánh giá việc thực hiện công khai, minh bạch về lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện bao gồm các nội dung sau: (1) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn; (2) Kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất; (3) Kế hoạch, kết quả thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; (4) Kế hoạch, kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên khoáng sản và (5) Các khoản thu ngân sách từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ theo thẩm quyền x } \mathbf{1.5}}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$$

Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ nội dung nêu trên theo thẩm quyền. (Nếu một đơn vị công khai thiếu 1 trong 5 nội dung nêu trên thì đơn vị này không được tính là công khai đầy đủ).

Yêu cầu: Địa phương liệt kê danh sách các đơn vị đã công khai đầy đủ các nội dung nêu trên theo Phụ lục số 4:
Tên đơn vị công khai đầy đủ:
Nội dung công khai số 1 (Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan
.....
*Nội dung công khai số 5 (*Các khoản thu ngân sách từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản*) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan.*
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:
.....
Đánh giá đạt .... Điểm

1.2.4 Về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công	1.5
Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công do UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh là chủ đầu tư, bao gồm: (1) Kế hoạch, chương trình đầu tư, mua sắm công; (2) Danh mục dự án đầu tư, mua sắm công; (3) Việc thực hiện đầu tư, mua sắm công và (4) Báo cáo kết quả thực hiện, kết quả đầu tư. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ x } \mathbf{1.5}}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ *Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 4 nội dung nêu trên. (Nếu một đơn vị công khai thiếu 1 trong 4 nội dung nêu trên thì đơn vị này không được tính là công khai đầy đủ)* *<u>Yêu cầu:</u> Địa phương liệt kê danh sách các đơn vị đã công khai đầy đủ các nội dung nêu trên theo Phụ lục số 4:* *Tên đơn vị công khai đầy đủ:* *- Nội dung công khai số 1 (*Kế hoạch, chương trình đầu tư, mua sắm công*) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan* *.....* *- Nội dung công khai số 4 (Báo cáo kết quả thực hiện, kết quả đầu tư) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** **.....** ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
1.2.5 Về lĩnh vực giáo dục	1
Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: (1) Việc công khai điều kiện tuyển sinh, điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ; (2) Công khai các khoản thu, mức thu, cơ sở vật chất, tài chính; (3) Công khai thực hiện cam kết chất lượng đào tạo. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ x } \mathbf{1.0}}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ *Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 3 nội dung nêu trên. (Nếu một đơn vị công khai thiếu 1 trong 3 nội dung nêu trên thì đơn vị này không được tính là công khai đầy đủ)* *Yêu cầu: Địa phương liệt kê danh sách các đơn vị đã công khai đầy đủ các nội dung nêu trên theo Phụ lục số 4:* *Tên đơn vị công khai đầy đủ:*	

- Nội dung công khai số 1 (Việc công khai điều kiện tuyển sinh, điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan *.....* *- Nội dung công khai số 3 (Công khai thực hiện cam kết chất lượng đào tạo) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
1.2.6 Về lĩnh vực y tế:	1
Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về lĩnh vực y tế theo thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện về: (1) Trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược; (2) Danh mục giấy phép hành nghề y, dược tư nhân trên phạm vi địa phương; (3) Công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ x } \mathbf{1.0}}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ *Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 3 nội dung nêu trên. (Nếu một đơn vị công khai thiếu 1 trong 3 nội dung nêu trên thì đơn vị này không được tính là công khai đầy đủ)* *Yêu cầu: Địa phương liệt kê danh sách các đơn vị đã công khai đầy đủ các nội dung nêu trên theo Phụ lục số 4:* *Tên đơn vị công khai đầy đủ:* *Nội dung công khai số 1 (Việc Trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan* *.....* *Nội dung công khai số 3* (Công khai tài chính theo quy định của pháp luật.*) - Tên văn bản về việc công khai, ngày phát hành văn bản công khai liên quan.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
2. Cải cách hành chính	**3**
Chỉ số này đánh giá kết quả cải cách hành chính của địa phương dựa trên Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2018). Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = PAR index 2018 x **3.0**	

100 *(Địa phương không cần đánh giá nội dung này, Thanh tra Chính phủ sẽ căn cứ trên điểm số PAR index 2018 để trực tiếp quy đổi)*	
3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	**2**
3.1 Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trên địa bàn	0.5
Chỉ số này đánh giá việc lập kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2018 của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị lập kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác x } \mathbf{0.5}}{\text{Tổng số đơn vị phải chuyển đổi vị trí công tác}}$ *<u>Yêu cầu:</u> Cung cấp danh sách các đơn vị có kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2018 theo mẫu: Đơn vị- Kế hoạch số - ngày ban hành - Nội dung trích yếu (đính kèm văn bản theo mẫu của phụ lục 1).* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** **.....** ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
3.2 Kết quả của việc chuyển đổi	1.5
Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số CC,VC đã chuyển đổi vị trí công tác trong năm x } \mathbf{1.5}}{\text{Tổng số CC,VC phải chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch}}$ ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** **.....** ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
4. Minh bạch Tài sản, thu nhập (TSTN) *<u>Yêu cầu:</u> Cung cấp thông tin theo Phụ lục số 5 về Minh bạch, tài sản, thu nhập*	**5**
4.1 Việc kê khai	0.5
Chỉ số này đánh giá việc kê khai TSTN của cán bộ, công chức, viên chức (CB, CC, VC) thuộc diện phải kê khai thuộc UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.	

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành kê khai TSTN đúng quy định x } \mathbf{0.5}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị phải tổ chức kê khai TSTN}}$$

Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:

.....

Đánh giá đạt .... Điểm

4.2 Việc công khai | 0.5

Chỉ số này đánh giá việc công khai bản kê khai TSTN của CB,CC,VC theo quy định.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị đã thực hiện công khai TSTN đúng quy định x } \mathbf{0.5}}{\text{Tổng số đơn vị phải kê khai}}$$

Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:

.....

Đánh giá đạt .... Điểm

4.3 Việc xác minh TSTN | 4

4.3.1 Số cuộc xác minh TSTN | 2

Chỉ số này đánh giá việc xác minh TSTN đối với CB,CC,VC của UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.
Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có xác minh TSTN	2
Không xác minh TSTN	0

Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:

.....

Đánh giá đạt .... Điểm

4.3.2 Kết quả xác minh TSTN | 2

Chỉ số này đánh giá kết quả xác minh TSTN của UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.
Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số

Có phát hiện vi phạm về minh bạch TSTN	2	
Không phát hiện vi phạm về minh bạch TSTN	0	
Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá: *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***		
5. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn		**2**
Chỉ số này đánh giá việc sửa đổi, hoàn thiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn (CĐ, ĐM, TC) của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị có sửa đổi, hoàn thiện các CĐ, ĐM, TC x 2.0}}{\text{Tổng số đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện.}}$ *<u>Yêu cầu</u>: Cung cấp danh mục các đơn vị có sửa đổi, hoàn thiện các CĐ, ĐM, TC trong năm theo mẫu sau:* *- Tên đơn vị thực hiện sửa đổi - Tên văn bản sửa đổi- Số văn bản sửa đổi - ngày ban hành - Nội dung trích yếu* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***		
6. Xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị		**4**
Chỉ số này đánh giá việc xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị (CQ,TC,ĐV) khi để xảy ra tham nhũng. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu CQ,TC,ĐV đã bị kỷ luật x 4.0}}{\text{Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu CQ,TC,ĐV để xảy ra tham nhũng}}$		
<u>Yêu cầu</u>: Cung cấp danh sách theo mẫu sau: *STT- Đơn vị để xảy ra tham nhũng - Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị kỷ luật - mức độ kỷ luật - ghi chú* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***		

7. Kết quả phát hiện, xử lý các sai phạm trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa (BPPN)	**5**
7.1 Việc phát hiện vi phạm	2.5
Chỉ số này đánh giá việc tự phát hiện vi phạm các quy định về phòng ngừa tham nhũng của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số cơ quan, đơn vị tự phát hiện vi phạm trong thực hiện các quy định về BPPN x 2.5}}{\text{Tổng số UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh}}$ *<u>Yêu cầu:</u> Cung cấp danh sách các đơn vị của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh tự phát hiên vi phạm trong thực hiện các quy định về BPPN, nội dung vi phạm* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ..... ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
7.2 Việc xử lý vi phạm	2.5
Chỉ số này đánh giá việc xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về BPPN của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số người đứng đầu bị xử lý vi phạm x 1.5}}{\text{Số cơ quan bị phát hiện vi phạm}} + \frac{\text{Số CB, CC, VC bị xử lý vi phạm x 1.0}}{\text{Số CB, CC, VC bị phát hiện vi phạm}}$ ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ..... ***Đánh giá đạt .... Điểm***	

C. PHÁT HIỆN CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG	**25**
1. Qua công tác tự kiểm tra nội bộ	**6**
1.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	3

Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua kiểm tra nội bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc kiểm tra nội bộ phát hiện được dấu hiệu tham nhũng x 3.0}}{\text{Tổng số cuộc kiểm tra nội bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện}}$ *<u>Yêu cầu</u>: Địa phương liệt kê chi tiết các cuộc kiểm tra nội bộ theo mẫu sau:* *- Tên cuộc kiểm tra –Tên quyết định kiểm tra- tên kết luận kiểm tra- đơn vị ban hành, ngày ban hành – (Ghi chú rõ cuộc nào phát hiện được dấu hiệu tham nhũng)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
1.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi	3
Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua kiểm tra nội bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua kiểm tra nội bộ x 3.0}}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua kiểm tra nội bộ}}$ *<u>Yêu cầu:</u> Cung cấp danh sách các cuộc kiểm tra nội bộ của UBND cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh theo mẫu sau: STT- Đơn vị được kiểm tra- Quyết định kiểm tra số - Ngày ban hành - nội dung trích yếu - Số tiền kiến nghị thu hồi - tổng số tiền tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua kiểm tra nội bộ* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
2. Qua công tác thanh tra	**5**
2.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	2

Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua các cuộc thanh tra của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng x 2.0}}{\text{Tổng số cuộc thanh tra đã thực hiện}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết các cuộc thanh tra theo mẫu sau:* *Tên cuộc* thanh tra *–Số quyết định thanh tra - số kết luận* thanh tra *- đơn vị ban hành, ngày ban hành – Ghi chú rõ có hay không phát hiện được dấu hiệu tham nhũng)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ….. ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
2.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi	3
Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua thanh tra của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua công tác thanh tra x 3.0}}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua công tác thanh tra}}$ *Yêu cầu: Cung cấp danh sách các cuộc thanh tra của UBND cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh theo mẫu sau:* *STT- Đơn vị được thanh tra- Quyết định thanh tra số - Ngày ban hành - nội dung trích yếu - Số tiền kiến nghị thu hồi - tổng số tiền tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua thanh tra.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ….. ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
3. Qua công tác giải quyết tố cáo tham nhũng	5
3.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	2

Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua giải quyết tố cáo của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = (Số cuộc giải quyết tố cáo phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng **x 2.0**) / (Tổng số cuộc giải quyết tố cáo đã thực hiện) *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết các cuộc giải quyết tố cáo theo mẫu sau:* *Tên cuộc* giải quyết tố cáo –*Số quyết định* giải quyết tố cáo - *số kết luận* giải quyết tố cáo - *đơn vị ban hành, ngày ban hành – Ghi chú rõ có hay không phát hiện được dấu hiệu tham nhũng)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ***** ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
3.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi	3
Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua giải quyết tố cáo của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = (Số tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua giải quyết tố cáo **x 3.0**) / (Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua giải quyết tố cáo) *Yêu cầu: Cung cấp danh sách các cuộc giải quyết tố cáo của UBND cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh theo mẫu sau: STT- Quyết định giải quyết tố cáo - Ngày ban hành - nội dung trích yếu - Phát hiện/không phát hiện được dấu hiệu tham nhũng- Số tiền kiến nghị thu hồi - tổng số tiền tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua giải quyết tố cáo.* *Điểm tự đánh giá:*	
4. Qua hoạt động giám sát	**5**
4.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	2
Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp huyện và cấp tỉnh.	

Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số cuộc giám sát phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng } \mathbf{x\ 2.0}}{\text{Tổng số cuộc giám sát}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết các cuộc* giám sát *theo mẫu sau:* *Tên cuộc* giám sát *–Số quyết định* giám sát *- số kết luận* giám sát *- đơn vị ban hành, ngày ban hành – Ghi chú rõ có hay không phát hiện được dấu hiệu tham nhũng)* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ***** ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
4.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi	3
Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp huyện và cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Tiền, tài sản tham nhũng kiến nghị thu hồi qua hoạt động giám sát } \mathbf{x\ 3.0}}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua hoạt động giám sát}}$ *Yêu cầu: Cung cấp danh sách các hoạt động giám sát của UBND cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh theo mẫu sau: STT- Đơn vị được giám sát- Quyết định giám sát số - Ngày ban hành - nội dung trích yếu - Phát hiện/không phát hiện được dấu hiệu tham nhũng- Số tiền kiến nghị thu hồi - tổng số tiền tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua hoạt động giám sát.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ***** ***Đánh giá đạt …. Điểm***	
5. Qua công tác điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng	**4**
5.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện	2

Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc điều tra, truy tố, xét xử phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng } \mathbf{x\ 2.0}}{\text{Tổng số cuộc điều tra, truy tố, xét xử có liên quan đến tham nhũng}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
5.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi	2
Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua điều tra, truy tố, xét xử } \mathbf{x\ 2.0}}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua điều tra, truy tố, xét xử}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	

D. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG	25
1. Xử lý hành chính	**5**
1.1 Xử lý kỷ luật hành chính đối với tổ chức	2.5

Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với tổ chức đã xảy ra tham nhũng của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị bị kỷ luật hành chính x } \mathbf{2.5}}{\text{Số đơn vị đã xảy ra hành vi tham nhũng}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ..... ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
1.2 Xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân	2.5
Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý kỷ luật cá nhân có hành vi tham nhũng của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật x } \mathbf{2.5}}{\text{Số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ..... ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
2. Xử lý hình sự	**10**
2.1. Kết quả điều tra tội phạm tham nhũng	3
Chỉ số này đánh giá kết quả điều tra tội phạm tham nhũng của các cơ quan điều tra cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố x } \mathbf{3.0}}{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra khởi tố bị can}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ..... ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
2.2 Kết quả truy tố tội phạm tham nhũng	3
Chỉ số này đánh giá kết quả truy tố tội phạm tham nhũng của các viện kiểm sát cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:	

Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị Viện Kiểm sát truy tố x } \mathbf{3.0}}{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ..... ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
2.3 Kết quả xét xử tội phạm tham nhũng	4
Chỉ số này đánh giá kết quả xét xử tội phạm tham nhũng của Tòa án cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số người bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng x } \mathbf{4.0}}{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị Viện Kiểm sát truy tố}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ..... ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
3. Thu hồi tài sản tham nhũng	**10**
3.1.Thu hồi tiền và tài sản tham nhũng	5
3.1.1 Tiền và tài sản thu hồi được qua các biện pháp hành chính:	2.5
Chỉ số này đánh giá hiệu quả của địa phương trong việc thu hồi tiền, tài sản bị tham nhũng thông qua biện pháp hành chính. Cách tính điểm như sau: Điểm đánh giá = $\frac{\text{Số tiền, tài sản đã thu hồi được x } \mathbf{2.5}}{\text{Số tiền, tài sản bị tham nhũng phải thu hồi}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** ..... ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
3.2.2. Tiền, tài sản thu hồi được qua thi hành bản án hình sự:	2.5

Chỉ số này đánh giá hiệu quả của địa phương trong việc thu hồi tiền, tài sản bị tham nhũng thông qua thi hành bản án hình sự Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản đã thu hồi được x } \mathbf{2.5}}{\text{Số tiền, tài sản bị tham nhũng phải thu hồi}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
3.2. Tỷ lệ đất đai đã thu hồi được	5
3.2.1. Đất đai thu hồi được qua các biện pháp hành chính:	2.5
Chỉ số này đánh giá hiệu quả trong việc thu hồi đất đai bị tham nhũng thông qua các biện pháp hành chính của địa phương. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đất đai bị tham nhũng đã thu hồi được x } \mathbf{2.5}}{\text{Số đất đai bị tham nhũng phải thu hồi}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	
3.2.2 Đất đai thu hồi được qua thi hành bản án hình sự	2.5
Chỉ số này đánh giá hiệu quả trong việc thu hồi đất đai bị tham nhũng thông qua thi hành bản án hình sự của địa phương. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đất đai bị tham nhũng đã thu hồi được x } \mathbf{2.5}}{\text{Số đất đai bị tham nhũng phải thu hồi}}$ *Yêu cầu: Địa phương liệt kê chi tiết để minh chứng số liệu của của công thức trên.* ***Địa phương giải thích/ giải trình về mức độ tự đánh giá:*** *.....* ***Đánh giá đạt .... Điểm***	

BẢNG HƯỚNG DẪN CUNG CẤP PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ PCTN CẤP TỈNH
(Hồ sơ của MTTQ tỉnh)

(ban hành kèm theo Công văn số 1787/UBND-NCPC ngày 20/ 8 /2019)

Trách nhiệm cung cấp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tỉnh Tây Ninh.
Thời kỳ cung cấp: Từ ngày 15/11/2018 đến 15/11/2019 (các năm sau tương tự).

STT	Văn bản cung cấp	Tiêu chí bộ chỉ số
1	- Kế hoạch giám sát, Quyết định giám sát của MTTQ tỉnh đối với UBND tỉnh. - Kết luận/Thông báo kết quả giám sát của MTTQ tỉnh đối với UBND tỉnh.	Tiểu mục 5.2, mục 5, Phần A